TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2022/DS-PT
Ngày 20 - 4- 2022
V/v Tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Ông Dương Hùng Quang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Hồng T1 (Như Thủy), sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đá Bạc B, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị T2, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đá Bạc, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Bà Trần Thị V (Bé Lớn), sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh Tám, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Hồng T1 – là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phạm Hồng T1 trình bày: Bà khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị T2 trả cho bà T1 tổng số tiền là 423.260.000 đồng. Trong đó gồm:

- Số tiền hụi bà T2 phải đóng hụi chết còn nợ bà T1 trong thời gian bà T2 chơi hụi của bà T1 từ năm 2013 đến năm 2014 là 317.000.000 đồng. Số tiền này bà T2 có ghi biên nhận nợ cho bà T1 giữ.

- Số tiền bà T2 mua đồ tạp hóa: Ngày 10/02/2013 (âl), bà T2 mua đồ tạp hóa của bà T1 còn nợ lại số tiền 63.880.000 đồng chưa thanh toán. Khoản tiền này bà T2 không có làm biên nhận nợ.

- Khoản tiền bà T1 đã trả góp cho bà T2 trong năm 2013 là 42.380.000 đồng nhưng chưa được đối trừ với khoản nợ bà T2 khởi kiện yêu cầu bà T1 trả 520.000.000 đồng theo bản án số số 91/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Bị đơn, bà Võ Thị T2 trình bày: Bà thừa nhận có chơi hụi do bà T1 làm chủ hụi vào năm 2013, khi hốt hụi bà có ghi biên nhận còn nợ lại bà T1 số tiền phải đóng hụi chết cho bà T1 là 317.000.000 đồng, biên nhận nợ do bà T1 giữ, đã qua bà đã trả đối trừ với các khoản nợ hụi do bà T1 chơi hụi do bà làm chủ hụi xong. Nay không đồng ý trả cho bà T2 khoản tiền 317.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền 63.880.000 đồng tiền tạp hóa, bà T1 yêu cầu, bà T2 không thừa nhận có mua hàng của bà T1 nên không đồng ý trả nợ.

- Đối với yêu cầu khoản tiền trả tiền góp là 42.380.000 đồng, bà T2 thừa nhận do bà T1 nợ tiền hụi nên có thanh toán cho bà một lần bằng 11.250.000 đồng nhưng số tiền này được trừ vào tiền giao chưng hụi 5.000.000 đồng bà T1 đã hốt vào ngày 09/11/2013 (âl) nên bà không đồng ý trả cho bà T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 423.260.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/01/2022, bà Phạm Hồng T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Hồng T1, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Hồng T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại hồ sơ và tại phiên tòa, bà T2 thừa nhận có viết biên nhận giao cho bà T1 giữ, thừa nhận nợ số lần hụi chết bà T2 còn phải đóng cho bà thủy là 317.000.000

đồng (BL 232). Bà T2 cho rằng đã thanh toán xong tiền hụi cho bà T1 nhưng bà T1 không thừa nhận, bà T2 không có chứng cứ chứng minh cho việc bà T2 đã trả xong nợ cho bà T1 theo biên nhận nợ và hiện nay biên nhận nợ này vẫn do bà T1 đang giữ. Khi bà T2 khởi kiện bà T1 để đòi số tiền 520.000.000 đồng theo Bản án số 91/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thì bà T1 có yêu cầu được đối trừ với khoản nợ này nhưng cấp sơ thẩm tách ra để bà T1 khởi kiện thành vụ kiện khác, do đó hiện nay bà T1 yêu cầu bà T2 trả 317.000.000 đồng, bà T2 không chứng minh được việc bà T2 đã thanh toán xong khoản nợ 317.000.000 đồng cho bà T1 theo biên nhận nợ. Do đó bà T1 yêu cầu bà T2 trả cho bà T1 317.000.000 đồng là có cơ sở. Bản án sơ thẩm xác định bà T2 có nợ bà T1 317.000.000 đồng nhưng bà T2 không chứng minh được đã thanh toán xong cho bà T1, hiện nay biên nhận nợ vẫn do bà T1 giữ nhưng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 là không có cơ sở.

[2] Đối với khoản tiền tạp hóa bà T1 cho rằng bà T2 nợ bà 63.880.000 đồng nhưng bà T2 không thừa nhận, bà T1 không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà T1 là phù hợp.

[3] Đối với khoản tiền bà T1 cho rằng đã trả cho bà T2 được 42.380.000 đồng từ tháng 02 đến tháng 8 năm 2013 nhưng chưa được đối trừ tại Bản án số 91/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời khi bà T2 kiện bà T1 đòi số tiền 520.000.000 đồng.

Xét thấy, tại hồ sơ và tại phiên tòa bà T1 không có chứng cứ chứng minh số tiền bà T2 đã nhận của bà T1 là 42.380.000 đồng nhưng bà T2 thừa nhận bà T1 có trả cho bà T2 số tiền 11.250.000 đồng, bà T2 cho rằng đã được đối trừ tại chân hụi 5.000.000 đồng trước khi bà T2 khởi kiện yêu cầu bà T1 trả 520.000.000 đồng nhưng bà T1 không thừa nhận, bà T2 không có chứng cứ chứng minh đã đối trừ với bà T1 khoản tiền nào trong số tiền 520.000.000 đồng bà T2 khởi kiện bà T1 nên buộc bà T2 phải trả cho bà T1 11.250.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 không có chứng cứ để chứng minh số tiền bà T2 nợ bà T1 là 423.260.000 đồng, do đó không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T1. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T1, buộc bà T2 trả cho bà T1 tổng số tiền 328.250.000 đồng là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T2 cho rằng ngoài khoản nợ bà T1 nợ bà 520.000.000 đồng đã được bà T2 khởi kiện vào năm 2020 và được giải quyết tại Bản án số 91/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thì bà T1 còn nợ bà T2 hai khoản tiền theo 02 biên nhận được bà T1 ghi cho bà T2 vào ngày 09/11/2013 với số tiền 66.150.000 (BL 204) và một biên nhận thể hiện số tiền 396.180.000 đồng (BL 203). Hai khoản tiền này bà T2 yêu cầu xem xét, nhưng bà T1 cho rằng biên nhận nợ số tiền 396.180.000 là biên nhận nợ do bà T1 ghi giao cho bà T2 để tổng tất cả các khoản nợ do bà T1 nợ của bà T2 được bà T1 ghi bằng nhiều biên nhận nợ trước đó và có đối trừ với các khoản nợ do bà T2 nợ bà T1. Sau khi đối trừ, bà T1 ghi biên nhận tổng nợ cho bà T2 thì bà T2 hứa sẽ xé bỏ các biên nhận bà T1 đã ghi trước đó nhưng bà T2 không xé. Vào năm 2020

bà T2 lấy các biên nhận cũ để khởi kiện bà đòi 520.000.000 đồng sẽ có lợi hơn số tiền bà ghi biên nhận nợ gộp số nợ cho bà T2 là 396.180.000 đồng, thời điểm bà T2 khởi kiện năm 2020 là kết thúc tất cả các khoản nợ bà nợ bà T1 nợ bà T2 từ trước đến nay, được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết tại Bản án số 91/2020/ DS-ST ngày 18/6/2020. Hiện nay, bà T2 cho rằng đang giữ hai biên nhận nợ do bà T1 ghi cho bà T2 với số tiền nợ là tiền 66.150.000 đồng và 396.180.000 đồng là khoản nợ của năm 2013 nên bàThủy yêu cầu bà T2 phải hủy bỏ hai biên nhận này.

Xét thấy, theo Bản án số 91/2020- DSST ngày 18/6/2020 được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết buộc bà T1 trả cho bà T2 520.000.000 đồng được bà T2 cung cấp nhiều biên nhận do bà T1 ghi vào các năm 2013, 2014, nhưng tại hồ sơ không thể hiện việc bà T2 yêu cầu tách hai khoản nợ theo hai biên nhận nợ với số là tiền 66.150.000 đồng và 396.180.000 đồng để khởi kiện thành vụ kiện khác, bà T2 chỉ yêu cầu bà T1 trả tổng số tiền nợ 520.000.000 đồng. Do đó nếu bà T2 khởi kiện bà T1 hai khoản nợ của hai biên nhận nợ với số là tiền 66.150.000 đồng và 396.180.000 đồng sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác nhưng có xem xét đối với khoản nợ do bà T2 khởi kiện bà T1 vào năm 2020 và đã được giải quyết tại Bản án số 91/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời hay chưa, hiện nay bà T2 chưa khởi kiện nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét, đồng thời bà T1 yêu cầu bà T2 xé bỏ hai biên nhận cũng không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T1 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T2 là người cao tuổi nên được miễn án phí, bà T1 phải nộp án phí có giá ngạch trên số tiền bà T1 yêu cầu không được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T1 không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Hồng T1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng T1. Buộc bà Võ Thị T2 phải trả cho bà Phạm Hồng T1 số tiền 328.250.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng T1 về việc buộc bà Võ Thị T2 phải trả cho bà Phạm Hồng T1 số tiền 95.010.000 đồng.(Chín mươi lăm triệu không trăm mười nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Phạm Hồng T1 phải nộp số tiền 4.750.000 đồng. Ngày 01/7/2020, bà Phạm Hồng T1 có dự nộp tạm ứng số tiền 1.058.000 đồng tại lai thu số 0003968 tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ bà T1 còn phải nộp tiếp số tiền 3.692.000 đồng. Bà Võ Thị T2 được miễn nộp án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Hồng T1 không phải chịu, ngày 28/01/2022, bà T1 dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004346 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

ần Văn Thời; Thiệu Phương Thảo

Trần Văn Thời

- Các đư

ơng sự;

- Lưu hồ sơ;

- Lưu án văn;

- Lưu VT (TM: TAND TCM).